TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
CENTER FOR ANALYSIS AND DEVELOPMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
Địa chỉ: 52 đường số 6, KDC Khang An, P. Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP.HCM
Điện thoại: 0903 039 164 - 0896 49 63 64 Email: info@cadst.com.vn

Mã đơn hàng: 082201	PHIẾU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	Kí hiệu mẫu: VN230800264.02

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC . **Ngày lấy mẫu** : 22/08/2023

Địa chỉ : A59/1 đường số 07, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hoà, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh . **Ngày thử nghiệm:** 22/08/2023 – 29/08/2023

Địa điểm : NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG . **Loại mẫu** : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải (Toạ độ: X:1197723,6; Y:592260,7)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Thông số so sánh(*)	Phương pháp thử
1	pH (1)	-	7,00	5,5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ (1)	^{0}C	29,1	40	SMEWW 2550B:2017
3	Clo dư (2)	mg/L	KPH (MDL = 0,52)	1,62	SMEWW 4500 (CL_2)-B:2017
4	Độ màu (1)	Pt-Co	KPH (MDL = 4)	121,5	SMEWW 2120C:2017
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD) (1)	mg/L	21	121,5	SMEWW 5220C:2017
6	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5) (1)	mg/L	11	40,5	SMEWW 5210B:2017
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (1)	mg/L	9,0	80	SMEWW 2540D:2017
8	Amoni (N-NH_4^+) (1)	mg/L	KPH (MDL = 0,02)	8,1	TCVN 6179-1:1996
9	Florua (F^-) (2)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	8,1	SMEWW 4500-F-.B&D:2017
10	Sunfua (S^{2-}) (2)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	0,405	SMEWW 4500-S2-.B&D:2017
11	Clorua (Cl^-) (1)	mg/L	110	810	SMEWW 4500-Cl - :2017
12	Tổng Nitơ (1)	mg/L	3,2	32	TCVN 6638:2000
13	Tổng Photpho (1)	mg/L	KPH (MDL = 0,03)	4,8	SMEWW 4500-P.B&E:2017
14	Asen (As) (1)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	0,081	US EPA Method 200.7
15	Cadimi (Cd) (1)	mg/L	KPH (MDL = 0,0007)	0,081	US EPA Method 200.7

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Thông số so sánh(*)	Phương pháp thử
16	Chì (Pb) (1)	mg/L	0,008	0,405	US EPA Method 200.7
17	Crom (VI) (1)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	0,081	SMEWW 3500-Cr.B:2017
18	Crom (III) (2)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	0,81	SMEWW 3113B:2017 SMEWW 3500-Cr.B:2017
19	Đồng (Cu) (1)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	1,62	US EPA Method 200.7
20	Kẽm (Zn) (1)	mg/L	0,050	2,43	US EPA Method 200.7
21	Mangan (Mn) (1)	mg/L	0,012	0,81	US EPA Method 200.7
22	Niken (Ni) (1)	mg/L	0,288	0,405	US EPA Method 200.7
23	Sắt (Fe) (1)	mg/L	0,144	4,05	US EPA Method 200.7
24	Tổng Phenol (2)	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	0,405	SMEWW 5530B&C:2017
25	Xyanua (CN^-) (1)	mg/L	KPH (MDL = 0,0015)	0,081	TCVN 6181:1996
26	Thủy ngân (Hg) (2)	mg/L	KPH (MDL = 0,0002)	0,008	SMEWW 3112.B:2017
27	Dầu, mỡ động thực vật (1)	mg/L	KPH (MDL = 0,2)	16,2	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng dầu mỡ khoáng (1)	mg/L	5,20	8,0	SMEWW 5520B&F:2017
29	Coliform (2)	MPN/ 100mL	$2,5 \times 10^2$	5000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú:

+ *Thông tin khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;*
+ *(1) Thông số đạt chứng nhận Vimcerts 266*
  (2) Thông số đạt chứng nhận Vimcerts 303
+ *MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; KPH: Không phát hiện (Kết quả < MDL)*
+ *SMEWW (Standard Methods for the Examination of Water and Waste water): Các phương pháp tiêu chuẩn xác định nước và nước thải; TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia; US EPA (United States Environmental Protection Angency): Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ.*
+ *(*) Giá trị giới hạn tối đa theo giấy phép xả thải của "Công ty TNHH Một thành viên Khu công nghiệp Vĩnh Lộc".*

TP.HCM, ngày 29 tháng 08 năm 2023

ĐD. TRUNG TÂM

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Hồ Ngọc Hân

1. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử trong thời gian thử nghiệm; Thời gian lưu mẫu là bảy (07) ngày kể từ ngày trả kết quả;
2. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k=2, mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ Trung tâm để biết thêm thông tin;
3. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc trích sao mà không có sự đồng ý bằng văn bản của CADST;
4. Các tuyên bố về sự phù hợp/ không phù hợp (nếu có) được nêu ra trong phiếu này đều được kết luận, đối chiếu theo các tiêu chuẩn tham chiếu của PTN hoặc được chỉ định bởi khách hàng (nếu có) và hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng ISO/IEC 17025:2017;